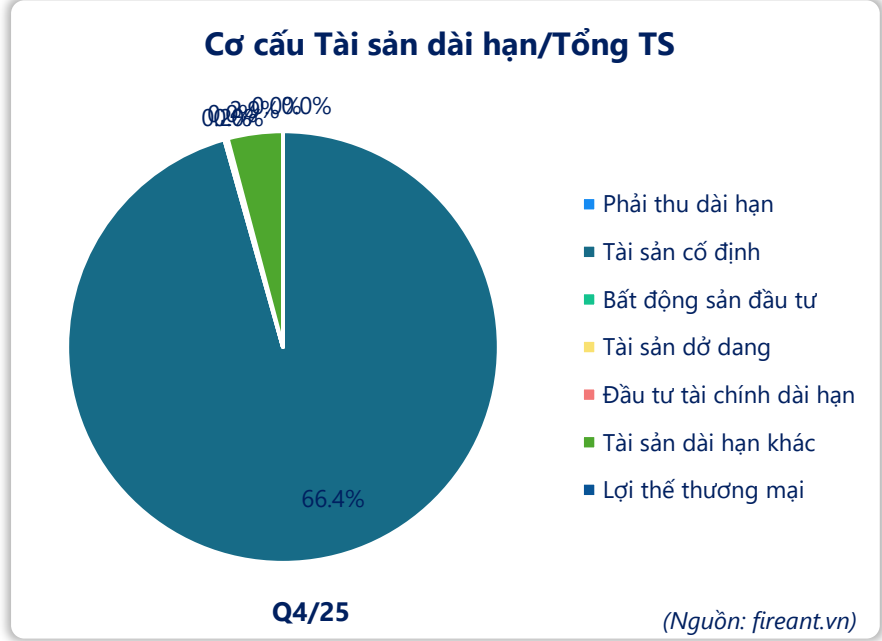
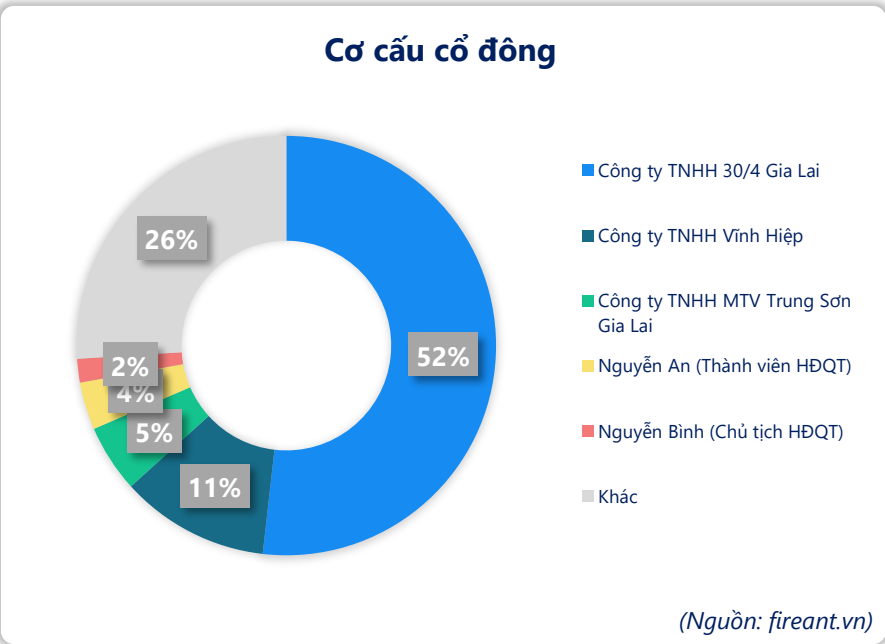
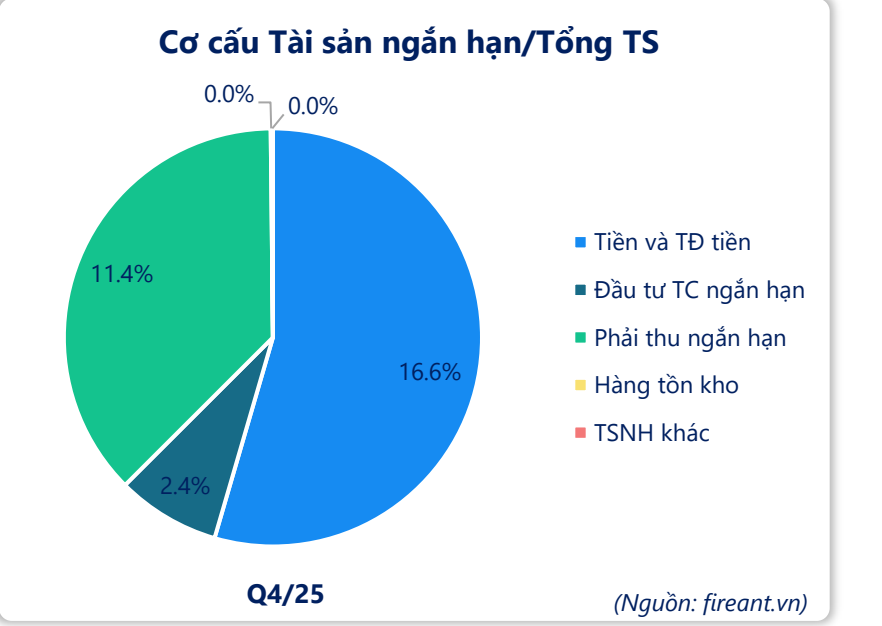
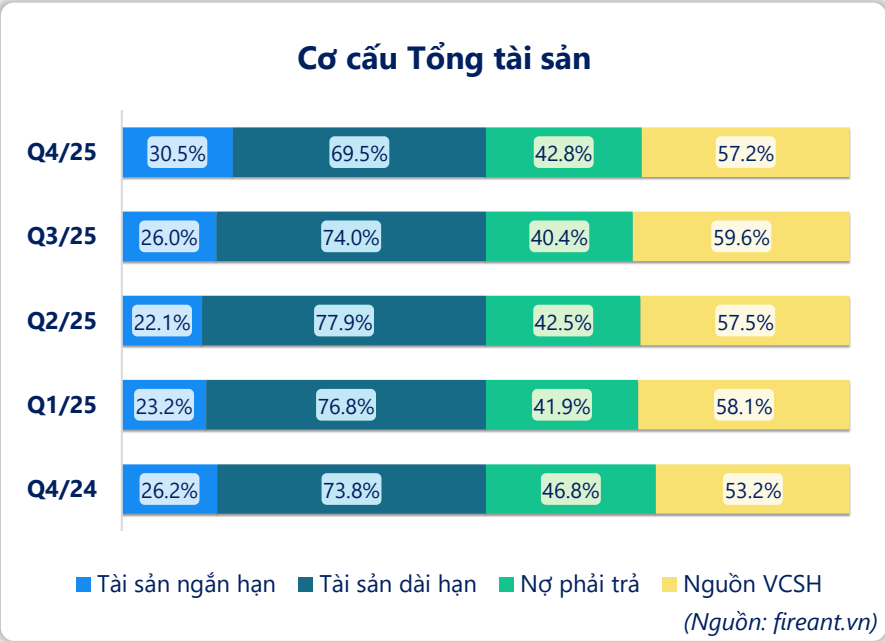
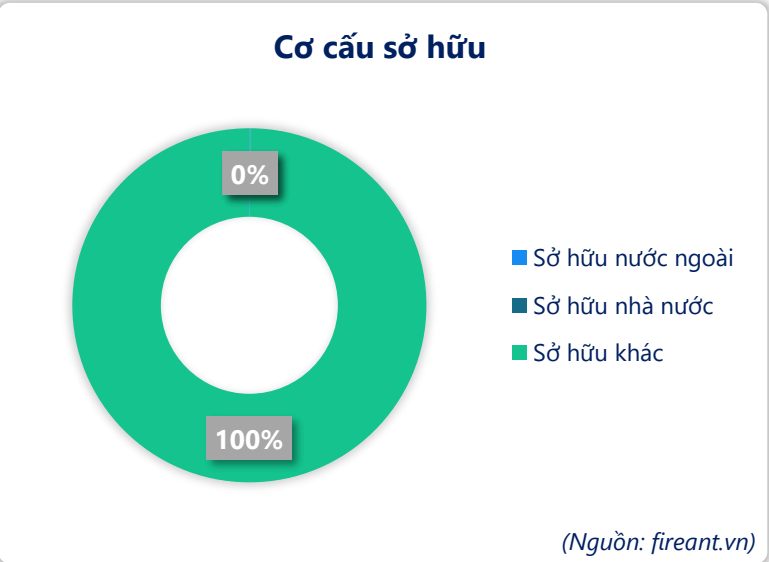
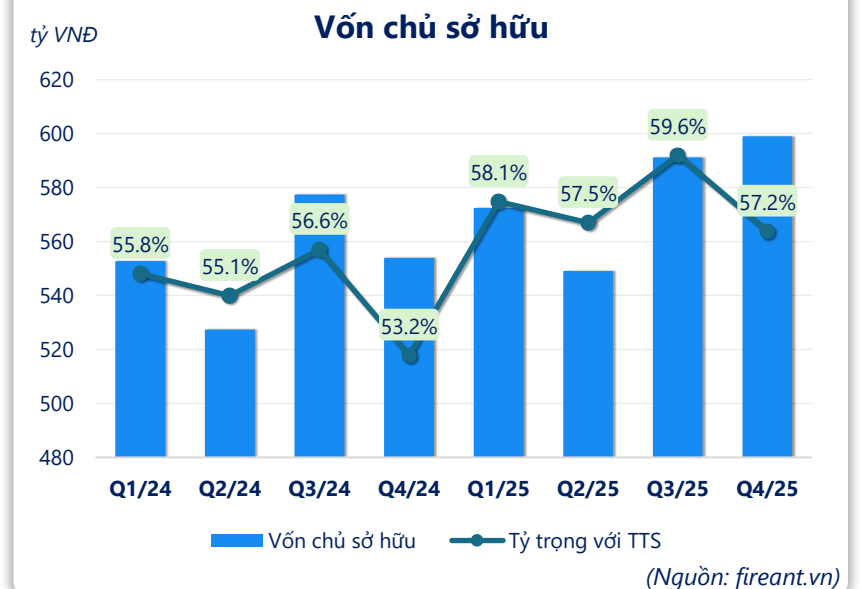
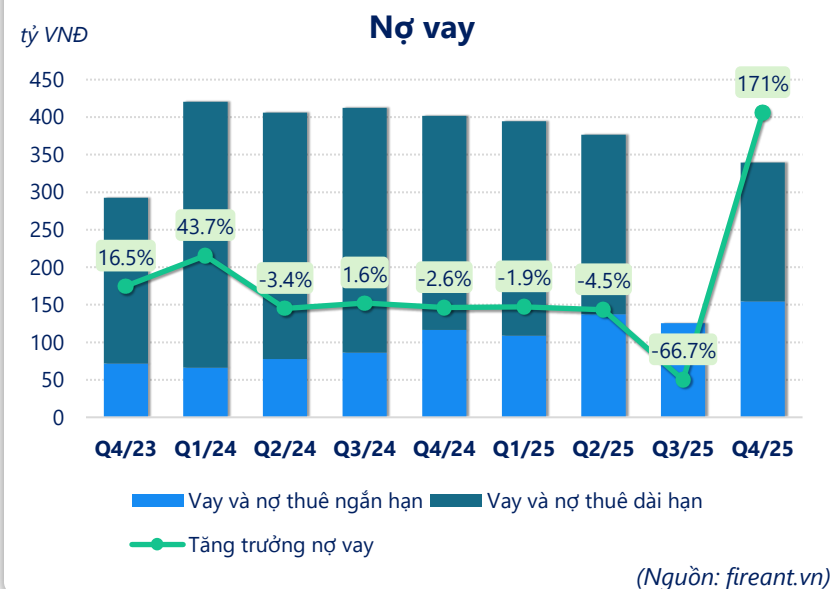
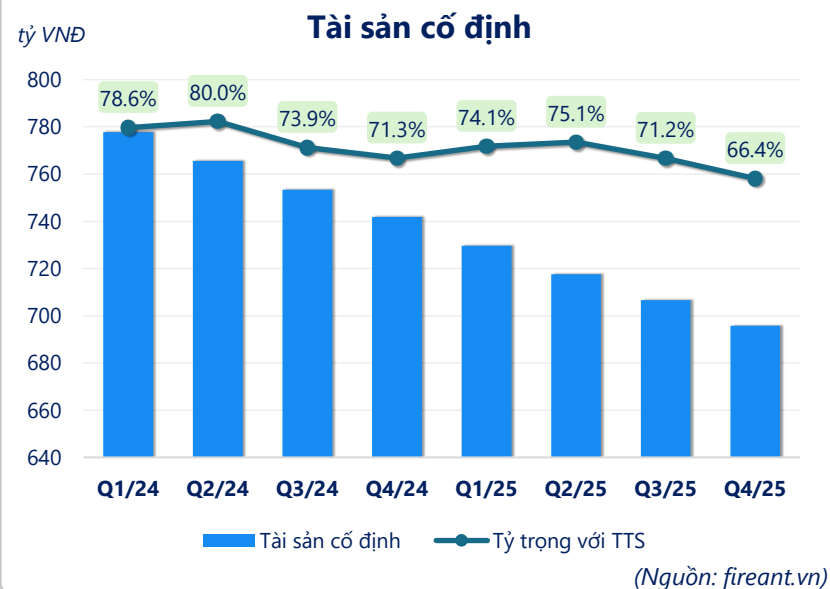
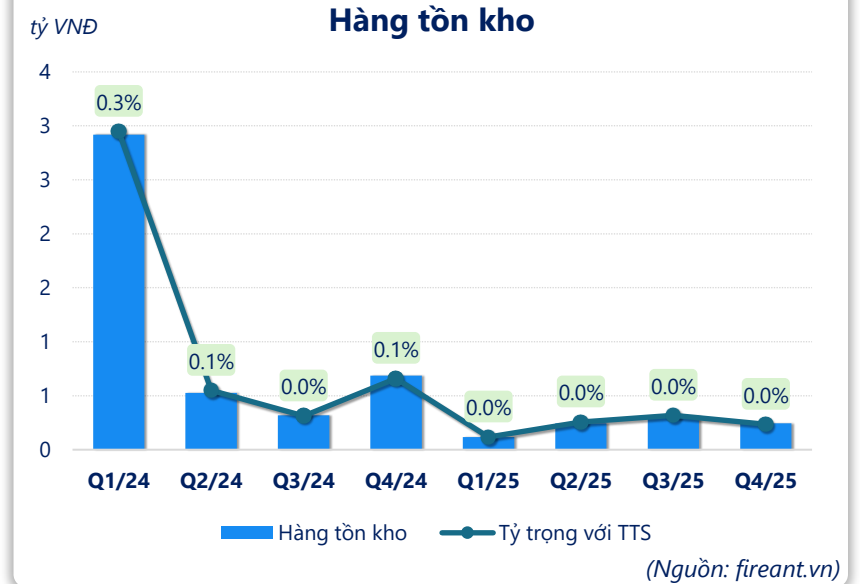
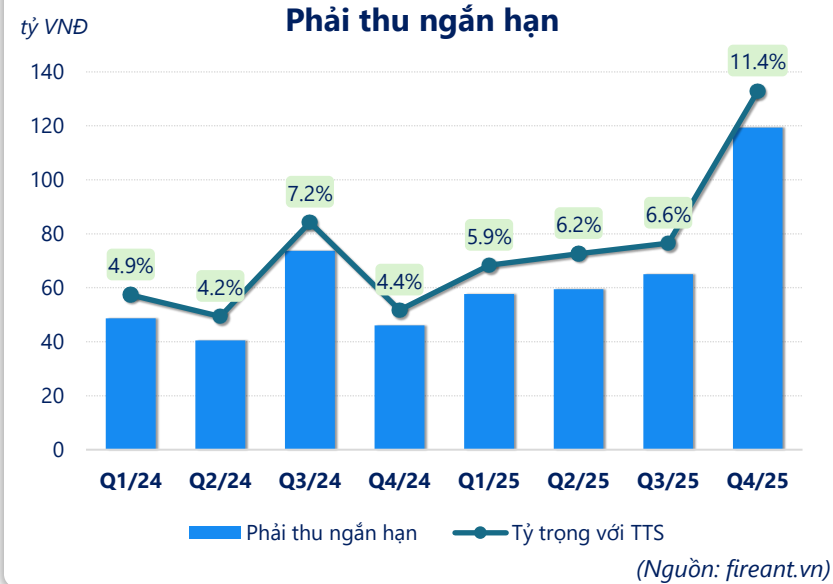
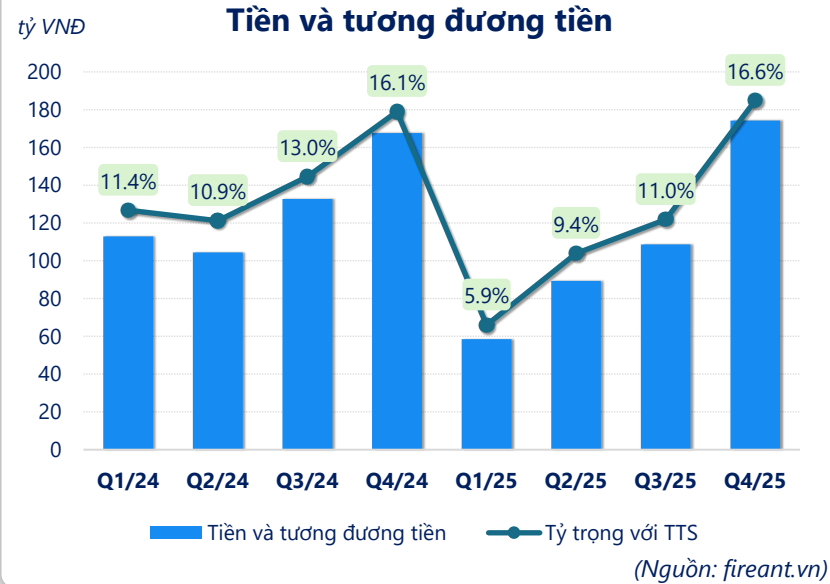
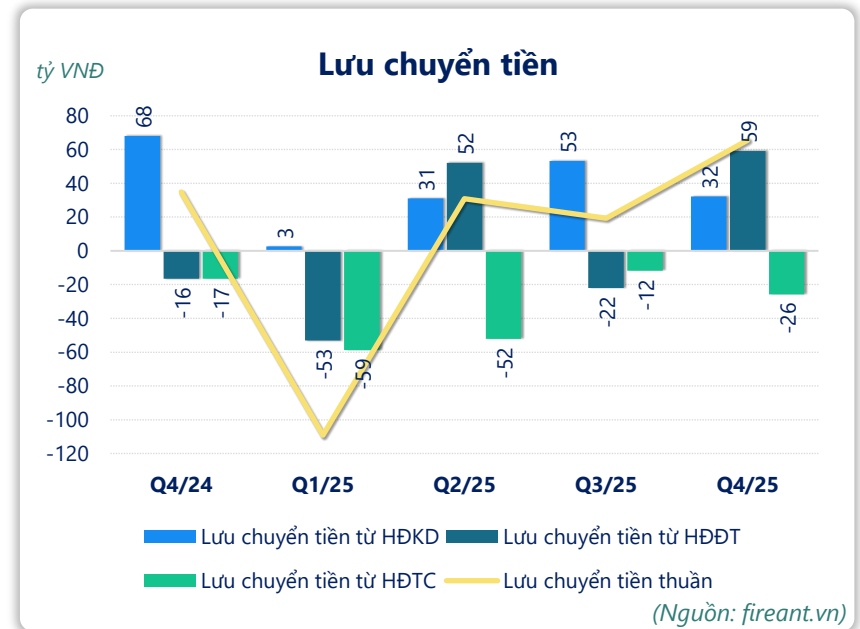
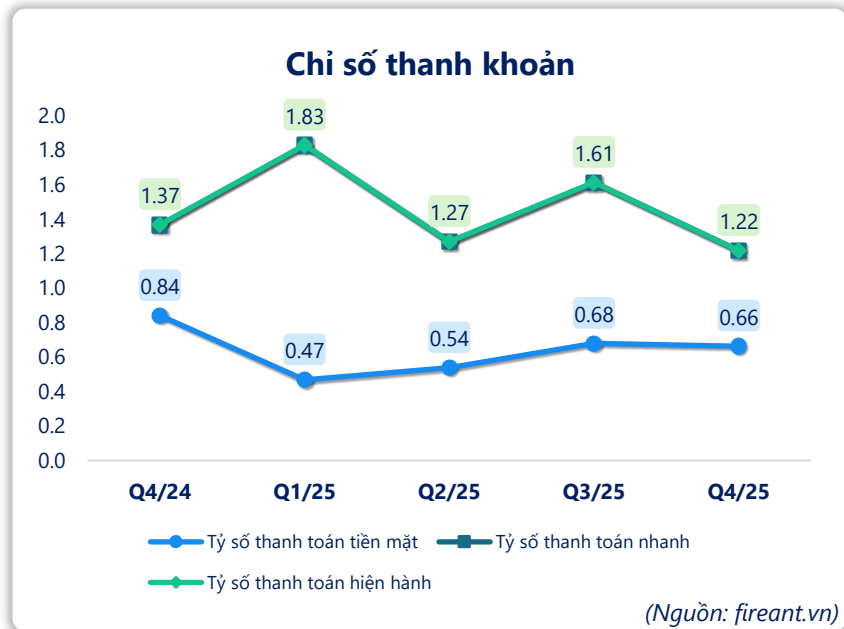
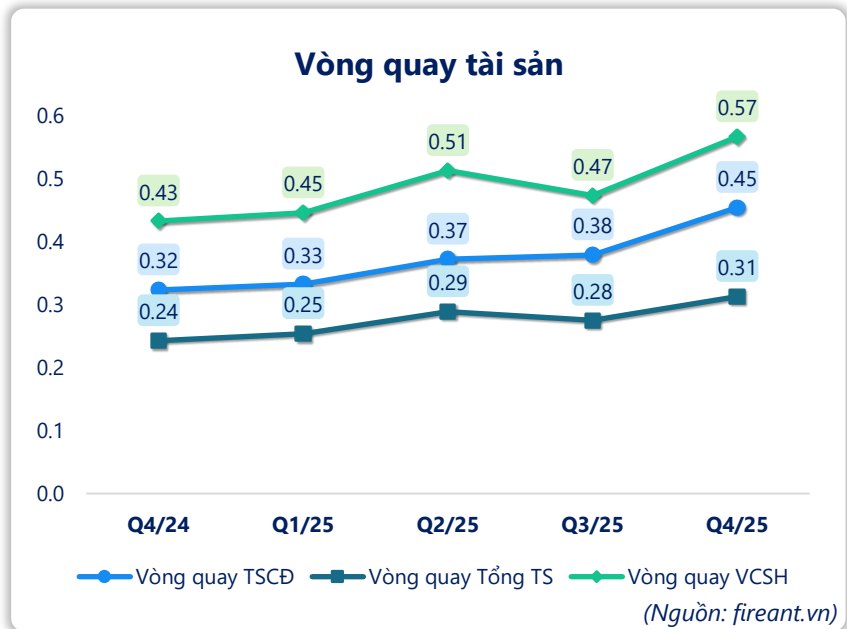
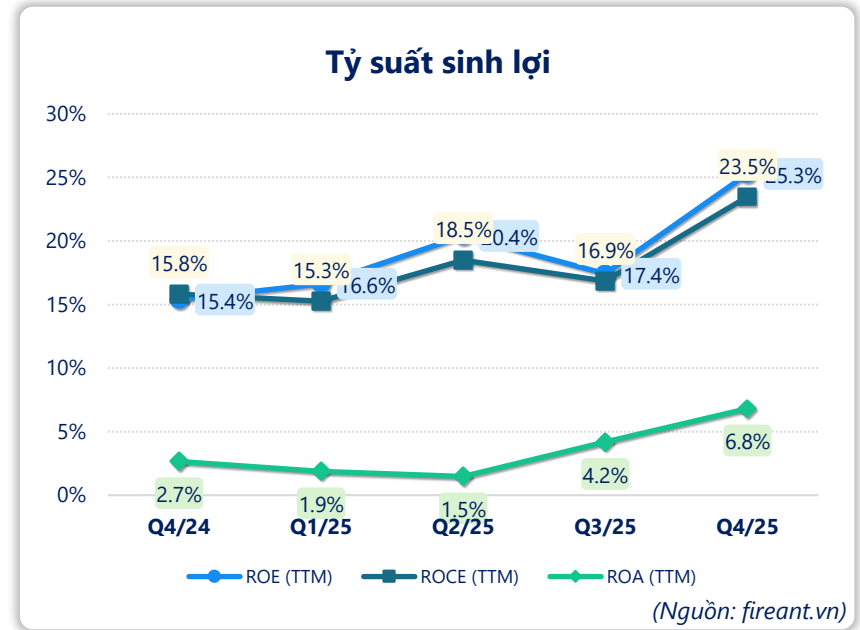
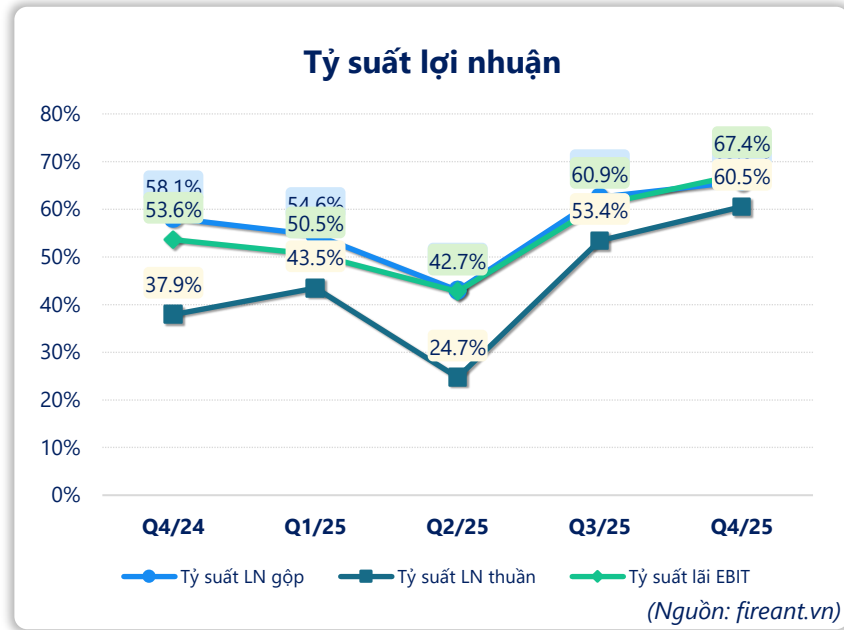
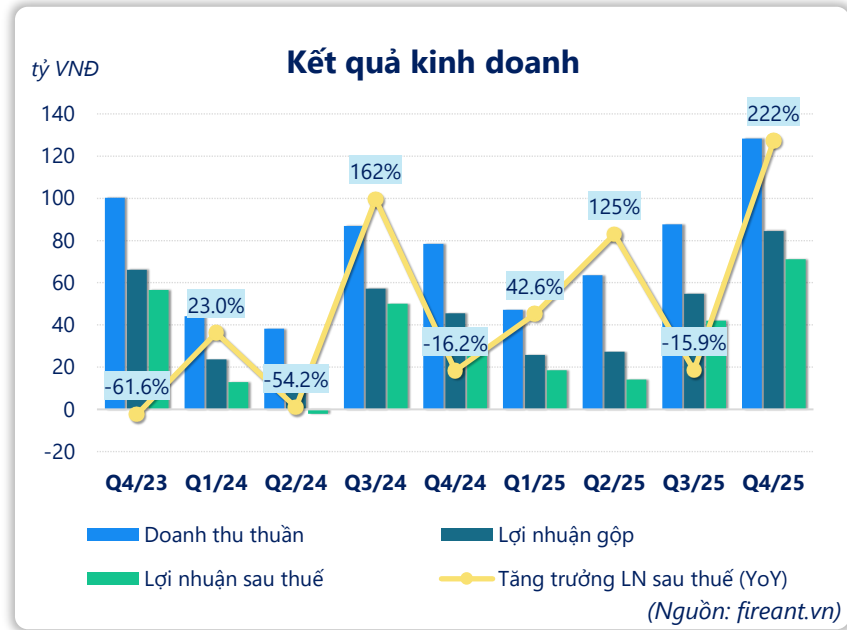


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		32,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,754
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		31,831
SL cổ phiếu LH		42,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,655
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,372
P/E		9.4
EPS		3,453

	YTD	1T	3T	6T
S4A	-2.6%	-0.3%	-6.6%	-6.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,047	1,040	0.7%
Tài sản ngắn hạn	320	273	17.2%
Tiền và tương đương tiền	174	168	4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.6	57.5	-55.5%
Phải thu ngắn hạn	119	46.1	159%
Hàng tồn kho	0.25	0.69	-64.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.88	-65.7%
Tài sản dài hạn	728	768	-5.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	696	742	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.83	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	30.0	25.6	17.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	448	486	-7.8%
Nợ ngắn hạn	263	199	31.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	154	117	32.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.06	0.19	1519%
Nợ dài hạn	186	287	-35.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	185	285	-35.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	599	554	8.1%
Vốn chủ sở hữu	599	554	8.1%
Vốn điều lệ	422	422	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	78.4	47.2	63.5	87.6	128
Giá vốn hàng bán	32.8	21.4	36.2	32.8	43.8
Lợi nhuận gộp	45.6	25.8	27.3	54.8	84.5
Doanh thu HĐTC	-1.09	0.67	2.77	0.64	3.00
Chi phí TC	12.7	4.16	12.4	7.01	7.06
Chi phí lãi vay	12.3	3.35	11.4	6.62	7.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.12	1.78	2.00	1.68	2.74
LN thuần từ HĐKD	29.7	20.5	15.7	46.8	77.7
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	0.00	0.00	1.53
LN trước thuế	29.7	20.5	15.7	46.8	79.2
Lợi nhuận sau thuế	27.2	18.5	14.1	42.1	71.1
LNST của CĐ cty mẹ	27.2	18.5	14.1	42.1	71.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	67.9	2.70	31.1	53.2	32.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.4	-53.0	52.0	-22.1	59.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.6	-58.8	-52.2	-11.8	-25.7
Tiền đầu kỳ	133	168	58.5	89.4	109
Lưu chuyển tiền thuần	34.9	-109	30.9	19.3	65.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	168	58.5	89.4	109	174

(Nguồn: fireant.vn)